

Số: 2039 /TB-DAP2

Lào Cai, ngày 22 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK phục vụ cho Nhà máy DAP2 Lào Cai.

Nhà cung cấp có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ ngày 22 tháng 10 năm 2026 đến trước 10h00 ngày 27 tháng 10 năm 2026 (trong giờ hành chính, sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 - chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30). Tại địa điểm sau:

1. Trụ sở chính: Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem

Địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0214.3767048 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 10h10 (giờ Việt Nam), ngày 27 tháng 10 năm 2026 tại Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà cung cấp tới tham dự lễ mở thầu theo thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

HỒ SƠ YÊU CẦU

Chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu
sản xuất NPK phục vụ cho Nhà máy DAP2 Lào Cai

BÊN MỜI CHÀO HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM



TỔNG GIÁM ĐỐC 4

Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày 22 tháng 10 năm 2026

CHƯƠNG I. YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Mục 1. Bên mời chào hàng:

1. Tên bên mời chào hàng: Công ty cổ phần DAP số 2 -Vinachem (dưới đây gọi tắt là DAP2).

2. DAP2 mời các nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh cung cấp vật tư theo đơn hàng “Mua sắm Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK phục vụ sản xuất của Nhà máy DAP2”.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư:

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp:

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), ...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận;

- Tài liệu chứng minh khả năng đảm bảo cung cấp hàng hóa như giấy xác nhận quan hệ đối tác hoặc các hợp đồng tương tự đã thực hiện từ năm 2023 đến nay kèm hoá đơn tài chính, hoặc các tài liệu tương đương.

Đối với các nhà cung cấp là liên danh: yêu cầu phải đáp ứng với hồ sơ năng lực theo thỏa thuận liên danh được các bên ký để tham gia chào hàng.

(Đối với các đơn vị đã cung cấp Bao bì cho Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem từ năm 2024 đến nay chỉ cần Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận)

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu chào hàng, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào hàng của nhà cung cấp

sẽ bị loại. Nhà cung cấp chào đơn giá hàng hóa theo Mẫu số 3 Chương III – Biểu mẫu của Hồ sơ mời chào hàng này.

b. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm DAP2 nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chào toàn bộ khối lượng thuộc phạm vi cung cấp của lô hàng.

d. Nhà cung cấp chào tại địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho của Nhà máy DAP Lào Cai (Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai)

2. Thời gian giao hàng:

Giao hàng từng lần theo yêu cầu sản xuất của bên mời chào hàng.

3. Hình thức thanh toán:

Thanh toán chuyển khoản bằng đồng Việt Nam 100% giá trị của lô hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên B giao xong toàn bộ lô hàng và hoàn thiện đủ hồ sơ thanh toán.

4. Nguồn gốc, xuất xứ.

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào hàng:

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham gia chào hàng là VND.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ đề xuất chào hàng:

Nhà cung cấp phải chuẩn bị Hồ sơ đề xuất chào hàng bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

2. Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào hàng này.

4. Thỏa thuận liên danh (nếu có)

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất:

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất là 30 ngày, kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất là ngày 27/10/2026.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất:

1. Hồ sơ đề xuất phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Phòng Kinh tế – Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem, địa chỉ Thôn Trung Tâm, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai không muộn hơn 10h00 ngày 27/10/2026, và ghi rõ “Hồ sơ CHCT Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK, không mở trước 10h10 ngày

.../10/2026”; hoặc gửi và địa chỉ Email: vanthu.dap2@gmail.com ghi rõ Hồ sơ CHCT Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK theo Thông báo số....../TB-DAP2 – nơi nhận Phòng Kinh tế.

Các Hồ sơ chào hàng được gửi đến DAP2 sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem vào hồi 10h10 ngày 24/10/2026.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất,... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. DAP2 chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ đề xuất cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng:

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá sơ bộ

a. Kiểm tra tính hợp lệ và xem xét sự đáp ứng của Nhà cung cấp

- Số lượng của Hồ sơ chào hàng.
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp pháp của Nhà cung cấp;
- Đơn chào hàng phải kí tên, đóng dấu của người đại diện hợp pháp;
- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương III – Biểu mẫu (nếu có);
- Biểu đơn giá theo Mẫu số 3 Chương III – Biểu mẫu;
- Hiệu lực của Hồ sơ đề xuất theo mục 7 Chương I của Hồ sơ mời chào hàng này.
- Thỏa thuận Liên danh theo mẫu số 4 Chương III – Biểu mẫu (nếu có).
- Nhà cung cấp không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ chào hàng với tư cách là nhà cung cấp chính.

b. Loại bỏ Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ nếu không đáp ứng được một trong các nội dung trên.

2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các Hồ sơ đề xuất vượt qua bước Đánh giá sơ bộ sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp được sử dụng theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà cung cấp phải đạt cả 02 nội dung chính 1, 2 nêu tại bảng sau thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá
1	Kinh nghiệm Nhà cung cấp	
1.1	Kinh nghiệm chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực bao bì	
1.1.1	Đối với Nhà cung cấp là nhà sản xuất	
	Có tối thiểu 01 năm hoạt động sản xuất trong lĩnh vực Bao bì	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.1.2	Đối với tất cả các nhà cung cấp là công ty thương mại	
	Có tối thiểu 01 năm hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Bao bì	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.2	Kinh nghiệm thực hiện cung cấp gói bao bì tương tự	
	Cung cấp tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp bao bì với khối lượng ≥ 300.000 chiếc đã thực hiện trong thời gian từ 2023 đến nay	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2	Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận.	
	Doanh thu năm 2025 của Nhà cung cấp đạt từ 3,3 tỷ đồng trở lên	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

(Đối với các đơn vị đã cung cấp Bao bì cho Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem từ năm 2023 đến nay không cần đánh giá các chỉ tiêu tại mục số 1 - Kinh nghiệm Nhà cung cấp)

2. Đánh giá về kỹ thuật:

DAP2 đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong Hồ yêu cầu chào hàng đối với các hồ sơ đề xuất đã vượt qua bước Đánh giá sơ bộ và bước Đánh giá về năng lực. Việc đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt” đối với danh mục hàng hóa chào. Hồ sơ đề xuất sẽ vượt qua bước đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “Đạt”.

Chi tiết về tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này.

HSDX của Nhà cung cấp là “Đạt” đối với tiêu chuẩn trong các mục kể trên sẽ được coi là “Đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật” và được đưa vào đánh giá ở bước tiếp theo.

3. Đánh giá về giá:

Các HSDX vượt qua bước Đánh giá về kỹ thuật sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước Đánh giá về giá.

Sử dụng phương pháp giá đánh giá để xác định giá đánh giá thấp nhất.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất như sau:

+ Đơn giá đánh giá

+ Xếp hạng các hồ sơ chào hàng theo đơn giá đánh giá thấp nhất.

Hồ sơ đề xuất có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, DAP2 tự xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 10. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp:

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp nguyên liệu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu chào hàng.
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ đề xuất từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.
3. Thương thảo hợp đồng thành công.

Mục 11. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp:

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, điện thoại, fax hoặc Email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Chương II. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá kỹ thuật được chấm theo tiêu chuẩn “đạt” và “không đạt” được nêu cụ thể như bảng dưới đây:

TT	Nội dung tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng
1	Chào đủ toàn bộ lô hàng theo HSYC	Đạt	Không đạt
	Nhà cung cấp chào toàn bộ lô hàng theo HSYC	Đạt	
	Nhà cung cấp không chào đủ lô hàng		Không đạt
2	Hàng hóa chào bán	Đạt	Không đạt
	Chào đúng chủng loại yêu cầu quy định trong HSYC	Đạt	
	Chào không đúng chủng loại hoặc tương đương		Không đạt
3	Thời gian cấp hàng	Đạt	Không đạt
	Giao hàng từng lần theo yêu cầu sản xuất của bên mời chào hàng	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Điều kiện thanh toán	Đạt	Không đạt
	Thanh toán chuyển khoản bằng đồng Việt Nam 100% giá trị của lô hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên B giao xong toàn bộ lô hàng và hoàn thiện đủ hồ sơ thanh toán.	Đáp ứng	Không đáp ứng

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01. Đơn chào hàng

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào hàng]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của DAP2]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào hàng mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng _____ [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào hàng với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào hàng cạnh tranh này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày____ tháng____ năm____, tại____

Tôi là____(Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp), là người đại diện theo pháp luật của____ (Ghi tên Nhà cung cấp) có địa chỉ tại____ (Ghi tên địa chỉ của Nhà cung cấp) bằng văn bản này ủy quyền cho____(Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền) thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cung cấp các vật tư do DAP2 tổ chức:

(- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với DAP2 trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ chào hàng;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ (Ghi tên Nhà cung cấp).____ (Ghi tên Nhà cung cấp) chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ (Ghi tên người được ủy quyền) thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày____ đến ngày____. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

Người ủy quyền

(Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp, chức danh, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3: Biểu chào giá**BIỂU GIÁ CHÀO**

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính/ yêu cầu kỹ thuật/ chất lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn thanh toán	Số lượng (chiếc)	Đơn giá (đ/chiếc)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10) = (7)x(9)
1	Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK	Đáp ứng yêu cầu chất lượng nêu tại khoản 1 chương IV HSYC			Đáp ứng theo HSYC	300.000 (± 10%)		
Cộng								
Thuế GTGT%								
Tổng cộng								

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Giao hàng từng lần theo yêu cầu sản xuất của bên mời chào hàng.

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho của Nhà máy DAP Lào Cai (Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai)

- Thanh toán: Thanh toán chuyển khoản bằng đồng Việt Nam 100% giá trị của lô hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên B giao xong toàn bộ lô hàng và hoàn thiện đủ hồ sơ thanh toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4. Thỏa thuận liên danh

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Hồ sơ chào hàng: _____ [Ghi tên gói chào hàng]

Căn cứ⁽²⁾ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ;

Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh _____ [Ghi tên gói chào hàng] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYCCH];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự hồ sơ chào hàng _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến hồ sơ chào hàng này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia hồ sơ chào hàng này. Trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện hồ sơ đề xuất _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCH và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói chào hàng	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không trúng chào hàng;

- Hủy hồ sơ đề xuất ____ [*Ghi tên gói chào hàng*] theo thông báo của bên mời chào hàng.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Mua sắm Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK phục vụ sản xuất của Nhà máy DAP2 Lào Cai;
- Tên hàng hoá: Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK
- Chất lượng hàng hoá:

STT	Đặc tính kỹ thuật/Tiêu chuẩn hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Yêu cầu chung	
1.1	Bộ bao 2 lớp	Trong PE ngoài PP, được sản xuất bằng hạt nhựa PP, PE chính phẩm, không dùng nhựa tái chế.
1.2	Loại bao bì	Loại bao 50 kg
1.3	Tổng trọng lượng	148 gam $\pm$ 5 gam
2	Quy cách chất lượng bao PP	
2.1	Bao PP	Nền bao PP màu trắng. Bề mặt bao PP được in sắc nét, không phai màu, không bong tróc, không lem nhem. Không bị nhòe, dây mực trong quá trình vận chuyển
2.2	Kích thước hữu ích (dài x rộng): là kích thước tính từ đường chỉ ở đáy bao lên đến miệng bao x chiều rộng của bao	(950 $\pm$ 10) x (550 $\pm$ 10) mm.
2.3	Trọng lượng	100 gam $\pm$ 3 gam
2.4	Độ rộng sợi	2,4 $\pm$ 0,1 mm (đặt 10 hàng đo kích thước đặt 23 - 25 mm).
2.5	Độ bền kéo dọc của mảnh dệt đặt: (kích thước mẫu kiểm tra của mảnh dệt bao PP: 50 x 200mm).	$\geq$ 700N
2.6	Độ bền kéo ngang của mảnh dệt đặt: (kích thước mẫu kiểm tra của mảnh dệt bao PP: 50 x 200mm)	$\geq$ 600N
2.7	Bao PP mảnh được dệt	Bao PP được kéo mảnh, dệt phẳng, không bị lỗi, không bị rách, đáy bao được gấp 1 lần và được may bằng 2 đường chỉ PP cách mép đáy 10 mm.
3	Quy cách chất lượng túi lót: (bao PE)	
3.1	Kích thước hữu ích (dài x rộng)	(1.200 $\pm$ 10) x (600 $\pm$ 10)mm.
3.2	Trọng lượng	48 gam $\pm$ 2 gam

3.3	Bao PE	Bao PE nguyên chất, thổi phồng đều, không thủng, có độ dẻo dai và được lồng trong bao PP sát đáy với bao PP, miệng bao PE (phần dài hơn) gấp ngược lại phủ bên ngoài bao PP (đường gấp sát với miệng bao PP).
-----	--------	---

Mẫu Market bao bì: Cấp hàng theo Market bao bì DAP2 yêu cầu theo từng thời điểm phát sinh nhu cầu sử dụng.

2. Yêu cầu về số lượng, tiến độ cung cấp, địa điểm giao nhận hàng hóa

- Số lượng: 300.000 ($\pm 10\%$) chiếc Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Giao hàng từng lần theo yêu cầu sản xuất của bên mời chào hàng.

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho của Nhà máy DAP Lào Cai (Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai)

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

HỢP ĐỒNG MUA

Số: /2026/HĐM/DAP2

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Hôm nay, ngày...tháng...năm 2026 tại văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 – VINACHEM

Địa chỉ : Thôn Trung Tâm, xã Tăng Lũng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Điện thoại : 0203767048 - Fax:0203767047

Mã số thuế : 5300265969

Tài khoản : 1003880721 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Lào Cai.

Đại diện : Ông Vũ Việt Tiến – Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN BÁN :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Tài khoản :

Đại diện :

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán Bao bì với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK.

Điều 2: Số lượng, tiêu chuẩn chất lượng:

2.1. Số lượng: 300.000 ($\pm 10\%$) vỏ Bao bì đóng sản phẩm DAP làm nguyên liệu sản xuất NPK.

2.2. Tiêu chuẩn chất lượng

STT	Đặc tính kỹ thuật/Tiêu chuẩn hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Yêu cầu chung	

1.1	Bộ bao 2 lớp	Trong PE ngoài PP, được sản xuất bằng hạt nhựa PP, PE chính phẩm, không dùng nhựa tái chế.
1.2	Loại bao bì	Loại bao 50 kg
1.3	Tổng trọng lượng	148 gam $\pm$ 5 gam
2	Quy cách chất lượng bao PP	
2.1	Bao PP	Nền bao PP màu trắng. Bề mặt bao PP được in sắc nét, không phai màu, không bong tróc, không lem nhem. Không bị nhòe, dây mực trong quá trình vận chuyển
2.2	Kích thước hữu ích (dài x rộng): là kích thước tính từ đường chỉ ở đáy bao lên đến miệng bao x chiều rộng của bao	(950 $\pm$ 10) x (550 $\pm$ 10) mm.
2.3	Trọng lượng	100 gam $\pm$ 3 gam
2.4	Độ rộng sợi	2,4 $\pm$ 0,1 mm (đệt 10 hàng đo kích thước đạt 23 - 25 mm).
2.5	Độ bền kéo dọc của mảnh dệt đạt: (kích thước mẫu kiểm tra của mảnh dệt bao PP: 50 x 200mm).	$\geq$ 700N
2.6	Độ bền kéo ngang của mảnh dệt đạt: (kích thước mẫu kiểm tra của mảnh dệt bao PP: 50 x 200mm)	$\geq$ 600N
2.7	Bao PP mảnh được dệt	Bao PP được kéo mảnh, dệt phẳng, không bị lỗi, không bị rách, đáy bao được gấp 1 lần và được may bằng 2 đường chỉ PP cách mép đáy 10 mm.
3	Quy cách chất lượng túi lót: (bao PE)	
3.1	Kích thước hữu ích (dài x rộng)	(1.200 $\pm$ 10) x (600 $\pm$ 10)mm.
3.2	Trọng lượng	48 gam $\pm$ 2 gam
3.3	Bao PE	Bao PE nguyên chất, thổi phồng đều, không thủng, có độ dẻo dai và được lồng trong bao PP sát đáy với bao PP, miệng bao PE (phần dài hơn) gấp ngược lại phủ bên ngoài bao PP (đường gấp sát với miệng bao PP).

Điều 3: Giá cả và giá trị hợp đồng

- Đơn giá: đồng/chiếc (Bằng chữ:)

- Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính: ... đồng ($\pm$ 10%), (Bằng chữ:)

Giá trên là giá giao tại kho của bên A, đã bao gồm chi phí xuống hàng tại kho bên A và thuế GTGT%.

Điều 4: Thanh toán

4.1. Thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị của lô hàng trong vòng 45 ngày kể

từ ngày bên B giao xong toàn bộ lô hàng và hoàn thiện đủ hồ sơ thanh toán.

4.2. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Hóa đơn tài chính thuế GTGT do bên B phát hành;
- Giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất (bản gốc);
- Biên bản xác định số lượng, chất lượng, giá trị thanh toán của lô hàng ký giữa hai bên.

Điều 5: Địa điểm, thời gian thực hiện hợp đồng

5.1. Địa điểm giao hàng: Tại kho bên A - Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

5.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Giao hàng theo từng đợt theo thông báo của bên A (thông báo qua điện thoại/email/văn bản). Bên B đảm bảo tiến độ cấp hàng không làm ảnh hưởng đến sản xuất của bên A.

Điều 6. Kiểm tra chất lượng hàng hóa

6.1. Trước khi tiến hành giao nhận hàng hóa, bên A kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xưởng hàng hóa của Nhà sản xuất. Sau đó, đại diện của hai bên sẽ trực tiếp kiểm đếm và lấy mẫu ngẫu nhiên trong suốt quá trình dỡ hàng từ xe ô tô xuống vị trí tập kết hàng của bên A theo Quy trình lấy mẫu của bên A.

6.2. Kiểm tra bao bì: Phòng KCS bên A chủ trì kiểm tra hình thức, mẫu mã, màu sắc, nhãn chữ, mực in, khối lượng, kích thước bao, kích thước sợi, lực kéo dọc, ngang đối với tất cả số bao đã lấy mẫu.

6.2.1. Lô hàng kết luận đạt khi Phòng KCS-DAP2 thông báo kết quả kiểm tra: hình thức, mẫu mã, màu sắc, nhãn chữ, mực in (phần định tính) đạt theo hợp đồng, khối lượng, độ rộng sợi đạt $\geq 90\%$ trên tổng số bao mẫu đã lấy của lô hàng; kích thước hữu ích của bao đạt $\geq 95\%$ trên tổng số bao mẫu đã lấy của lô hàng; tỷ lệ lỗi dệt $\leq 2,0\%$ trên tổng số bao mẫu đã lấy của lô hàng; không có bao rách, thủng, Độ bền kéo dọc của mảnh dệt đạt $\geq 600N$, Độ bền kéo ngang của mảnh dệt đạt $\geq 500N$.

6.2.2. Trường hợp kết quả kiểm tra không đủ tiêu chuẩn trên, bên A xét đến điều kiện nhập hàng để quyết định nhập kho, đồng thời phạt vi phạm hợp đồng hay từ chối nhập hàng, bên B chịu mọi chi phí chuyển hàng trả về. Điều kiện nhập hàng và phạt vi phạm chất lượng cụ thể như sau:

- Về khối lượng: Chỉ được phép nhập hàng khi các mẫu lấy đạt tiêu chuẩn $\geq 80\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 1,0% giá trị phần vi phạm khi khối lượng bao bì đạt chỉ từ 80% đến dưới 90%.

- Về kích thước hữu ích của bao: Chỉ được phép nhập hàng khi các mẫu lấy đạt tiêu chuẩn $\geq 80\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 0,5% giá trị phần vi phạm khi kích thước hữu ích của bao đạt chỉ từ 90% đến dưới 95%, phạt 1,0% giá trị phần vi phạm khi kích thước hữu ích của bao đạt chỉ từ 80% đến dưới 90%.

- Về độ rộng sợi: Do chỉ tiêu này không ảnh hưởng lớn đến chất lượng bao bì, nên bên A chấp nhận nhập hàng khi các mẫu lấy đạt tiêu chuẩn $\geq 30\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 0,1% giá trị phần vi phạm khi độ rộng sợi đạt chỉ từ 30% đến dưới 90%.
- Về tỷ lệ lỗi dệt: Chỉ được phép nhập hàng khi các mẫu lấy có tỷ lệ lỗi dệt $\leq 30\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 0,1% giá trị phần vi phạm khi tỷ lệ lỗi dệt từ trên 2,0% và $\leq 30\%$;
- Về in ấn market: Chỉ được phép nhập hàng khi các mẫu lấy đạt tiêu chuẩn $\geq 90\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 0,5% giá trị phần vi phạm khi số mẫu đạt tiêu chuẩn về in ấn market chỉ từ 90% đến dưới 100%;
- Bao PP, PE không được phép thủng, nếu thủng bao nào trả lại bao đó.
- Về lực kéo dọc: Chỉ được nhận hàng khi Độ bền kéo dọc của mảnh dệt đạt $\geq 600N$. Phạt 1% giá trị phần vi phạm khi số mẫu đạt tiêu chuẩn từ 600N đến dưới 700N.
- Về lực kéo ngang: Chỉ được nhận hàng khi Độ bền kéo ngang của mảnh dệt đạt $\geq 500N$. Phạt 1% giá trị phần vi phạm khi số mẫu đạt từ 500N đến dưới 600N.
- Về việc lồng bao: Bao PE phải được lồng vào bao PP, đáy của bao PE phải sát đáy với bao PP không được may liền bao PP và bao PE vào nhau nên bên A chấp nhận nhập hàng khi các mẫu lấy đạt tiêu chuẩn $\geq 90\%$ tổng số mẫu lấy. Phạt 0,5% giá trị phần vi phạm khi số mẫu đạt tiêu chuẩn về việc lồng bao chỉ từ 90% đến dưới 95%.
- Trong trường hợp tiêu chuẩn chất lượng vỏ bao bất thường nằm trong phạm vi được phép nhập hàng, các lỗi phát sinh mà bên A không thể sử dụng được cho sản xuất thì bên A thông báo cho bên bán và dừng ngay lô hàng. Hai bên cùng tiến hành đàm phán lại.
- Tổng giá trị phạt vi phạm chất lượng theo hợp đồng không quá 8,0% giá trị hợp đồng.

Điều 7: Quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên

7.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A:

- Có trách nhiệm bố trí các điều kiện cần thiết thuận lợi cho bên B giao hàng.
- Có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đáp ứng điều kiện nhập hàng.
- Thanh toán cho bên B theo quy định tại Điều 4. Nếu bên A chậm thanh toán thì bên A phải chịu lãi suất chậm trả 6,0%/năm (lãi đơn) cho số tiền chậm thanh toán.

7.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

- Cung cấp hàng đúng chủng loại, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và tiến độ giao hàng theo nội dung đã được quy định trong hợp đồng. Mức phạt chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 0,2% giá trị khối lượng hàng giao chậm/01 ngày, nhưng tổng số tiền phạt không quá 8,0% giá trị hợp đồng.

- Gửi mẫu bao đã in theo Maket kèm theo hợp đồng này để bên A duyệt mẫu trước khi sản xuất hàng loạt;

- Chỉ sản xuất, in ấn và cung cấp vỏ bao theo mẫu nêu trong hợp đồng cho bên A;
- Tuyệt đối không được sản xuất, in ấn chủng loại mẫu mã vỏ bao bì của hợp đồng cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác mà không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A. Nếu vi

phạm bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Pháp luật về việc vi phạm bản quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa của bên A;

- Phối hợp với người đại diện của bên A giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Xuất hóa đơn tài chính cho bên A theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về những hậu quả pháp lý do hóa đơn đã lập.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- c) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung nội dung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

9.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mà bên B không giao được hàng cho bên A.

- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Chấm dứt hợp đồng khi xảy ra tình huống bất khả kháng.

- Nội dung bất khả kháng nêu trong hợp đồng này được hiểu là bất cứ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát và không có lỗi, với sự cố gắng của bên đó cũng không thể ngăn chặn hoặc khắc phục hoặc dự kiến trước được, nhưng không giới hạn như: thiên tai, dịch họa, nổi dậy, đình công, dịch bệnh, tranh chấp về lao động, lở đất, hỏa hoạn, động đất, bão lụt, sóng thần, điều kiện sông ngòi, cấm vận.

- Khi xảy ra bất khả kháng thì bên B thông báo cho bên A bằng văn bản và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra bất khả kháng.

d) Khi mức phạt hợp đồng > 8,0% giá trị hợp đồng là điều kiện tiên quyết để bên A hủy hợp đồng.

9.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

9.3. Trong trường hợp bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và Pháp luật.

Điều 10: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết theo nguyên tắc thương lượng. Trong trường hợp hai bên không thể đi đến thương lượng thì mọi tranh chấp phát sinh xảy ra sẽ được đưa ra Toà án kinh tế – Toà án Nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết, phán quyết của Toà án là kết luận cuối cùng và ràng buộc các bên; mọi chi phí của toà án do bên thua kiện chịu.

Điều 11: Các cam kết và điều khoản thi hành:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng đã ký. Bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm và phải chịu phạt theo quy định của Pháp luật về hợp đồng kinh tế hiện hành.

- Bất kỳ sửa đổi và/hoặc bổ sung nào vào hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng và không có tranh chấp phát sinh thì hợp đồng coi như được thanh lý.

Hợp đồng gồm 06 trang bằng Tiếng Việt được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

